

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

1. Thông tin chung

- | | | |
|-----|--------------------------|--|
| [1] | Tên chương trình: | Cử nhân Quản trị Kinh doanh |
| [2] | Trình độ đào tạo: | Đại học |
| [3] | Ngành đào tạo: | Quản trị Kinh doanh |
| | Chuyên ngành đào tạo: | Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Quản trị Tổng hợp
Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Quản trị Tài chính
Quản trị Kinh doanh chuyên ngành Quản trị Marketing |
| [4] | Mã ngành đào tạo: | [52340101] |
| [5] | Loại hình đào tạo: | Chính quy tập trung |
| [6] | Tên Khoa: | Khoa Quản trị Kinh doanh |
| [7] | Trường cấp bằng: | Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn |
| [8] | Cơ sở tổ chức giảng dạy: | Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn |

2. Mục tiêu đào tạo

- [1] Mục tiêu chung:
- + Đào tạo cử nhân đại học ngành Quản trị Kinh doanh :
 - Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt;
 - Nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội, về quản trị kinh doanh;
 - Có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp; có khả năng hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới;
 - Có khả năng tự học để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế.
 - Sinh viên tốt nghiệp làm việc chủ yếu ở các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.
 - + Cung cấp kiến thức chuyên môn về Quản trị Kinh doanh, bảo đảm sinh viên :
 - Có những kiến thức chung về doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp.
 - Nắm vững những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp (quản trị nhân sự, quản trị chiến lược, quản trị marketing, quản trị chất lượng, ...) và có thể áp dụng phù hợp vào doanh nghiệp.
 - Hiểu biết về tài chính và nguyên lý quản trị tài chính - một công cụ cơ bản của quản trị doanh nghiệp.
 - + Giúp sinh viên có khả năng tự nghiên cứu, tự đào tạo, để có thể giải quyết những vấn đề phát sinh mới bằng cách :
 - Rèn luyện cho sinh viên khả năng tự học, khả năng làm việc độc lập để hoàn thành nhiệm vụ với một phong cách chuyên nghiệp.
 - Có khả năng tư duy phê phán, khả năng phân tích các tình huống trong thực tế, sử dụng kỹ năng logic để có thể đưa ra giải pháp và triển khai thực hiện.
 - Có khả năng tìm kiếm, nghiên cứu, sử dụng thông tin, dữ liệu và đưa ra quyết định phù hợp trong lãnh vực kinh doanh, kế toán, tài chính, đầu tư, nhân sự, ...
 - + Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc sau :

- Nhân viên làm việc ở bộ phận kinh doanh, bộ phận bán hàng, bộ phận marketing, bộ phận hành chính - nhân sự, bộ phận tài chính kế toán, ... Và từng bước tham gia vào vị trí cấp quản trị doanh nghiệp.
- Ngoài ra, sinh viên còn có thể làm việc trong các lĩnh vực khác.

[2] Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CDR CTĐT):

+ Về kiến thức:

- Có kiến thức cơ bản về các lĩnh vực xã hội - nhân văn và pháp luật;
- Có kiến thức cơ bản vững chắc về kinh tế - xã hội, về quản trị kinh doanh; kiến thức chuyên môn về quản trị doanh nghiệp theo nội dung của chương trình đào tạo tương ứng, phù hợp với nhu cầu xã hội đủ để ra trường có thể ứng dụng làm việc được ngay, lại vừa có thể học tiếp lên bậc cao hơn;
- Có trình độ tiếng Anh đạt chuẩn TOEIC từ 350 – 400 điểm.

+ Về kỹ năng:

- Có kỹ năng ngoại ngữ có thể làm tốt công việc chuyên môn, quản lý hoặc giao tiếp thông thường với các đối tác trong nước và nước ngoài;
- Nắm vững và sử dụng tốt kỹ năng truyền thông (công nghệ thông tin, truyền thông);
- Có kỹ năng giao tiếp, đàm phán, ứng xử;
- Có kỹ năng về nghiệp vụ đạt yêu cầu của ngành nghề đào tạo;
- Có kỹ năng làm việc đội, nhóm;
- Có kỹ năng ra quyết định trong phạm vi chức trách và nghề nghiệp;
- Có kỹ năng giải quyết vấn đề.

+ Về năng lực:

- Có năng lực nhận thức vấn đề thuộc lĩnh vực được đào tạo;
- Có khả năng tự học để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế;
- Có năng lực tư duy, phê phán, suy nghĩ sáng tạo, khả năng phân tích các tình huống trong thực tế, sử dụng kỹ năng logic để có thể đưa ra giải pháp và triển khai thực hiện;
- Có khả năng làm việc độc lập để hoàn thành nhiệm vụ với một phong cách chuyên nghiệp;
- Có năng lực tổ chức, quản lý và lãnh đạo đội nhóm làm công tác chuyên môn;
- Có năng lực tổ chức kinh doanh, quản lý đơn vị;
- Có năng lực đề hoạch định chính sách, chiến lược kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh, xây dựng kế hoạch công tác, quy trình công nghệ ... biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới;
- Có khả năng tìm kiếm, phân tích, xử lý thông tin, dữ liệu và có thể đưa ra quyết định phù hợp trong lĩnh vực kinh doanh, kế toán, tài chính, đầu tư, nhân sự.

+ Về đạo đức và hành vi:

- Có lòng yêu ngành nghề, nỗ lực, chịu khó, có ý chí vươn lên, có tinh thần cải tiến trong công việc được giao;
- Có ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ cao với đơn vị, với cộng đồng, với môi trường và với đất nước;
- Có ý thức trách nhiệm và nghĩa vụ, quan tâm đến sự phát triển của đơn vị;
- Chấp hành tốt pháp luật, quy định của nhà nước, nội quy của đơn vị;
- Chấp hành sự phân công, điều động trong công tác;
- Trung thực, khiêm tốn, có đạo đức nghề nghiệp;
- Tự tin, bản lĩnh, khẳng định năng lực;
- Luôn trau dồi, học tập, cập nhật kiến thức để đáp ứng với nhu cầu.

+ Vị trí làm việc, công tác khi ra trường:

- Sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm việc tại các xí nghiệp, cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, quản lý, đào tạo... thuộc mọi thành phần kinh tế;
- Có thể đảm nhận các công việc như nhân viên bộ phận kinh doanh, bán hàng, marketing, bộ phận hành chính nhân sự, bộ phận tài chính kế toán và các lĩnh vực khác có liên quan;
- Có thể làm chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, đào tạo với quy mô vừa và nhỏ thuộc các lĩnh vực trên.

3. Thời gian đào tạo:

- [1] Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT; hay còn gọi là thời gian đào tạo chính khóa.
- [2] Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT bao gồm: Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài. Sinh viên không hoàn thành CTĐT và đã vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường sẽ bị buộc thôi học.

- [3] Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài để sinh viên hoàn thành CTĐT được quy định theo từng bậc học. Cụ thể như sau:

Bậc học	Thời gian đào tạo chính khóa	Thời gian kéo dài
Đại học	4,0 năm (8 học kỳ chính)	2,0 năm (4 học kỳ chính)

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng tổng số tín chỉ):

- [1] Khối lượng kiến thức toàn khóa: 135 - 136 tín chỉ

- [2] Cấu tạo và tổ chức của chương trình:

- + Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ
 - Giáo dục thể chất;
 - Giáo dục quốc phòng.
- + Kiến thức giáo dục đại cương:
 - Kiến thức toán, khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;
 - Kiến thức chính trị, khoa học xã hội, pháp luật, phòng chống tham nhũng và bảo vệ môi trường.
- + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - Kiến thức cơ sở ngành (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành);
 - Kiến thức chuyên ngành;
 - Kiến thức bổ trợ;
 - Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp.
- + Môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn, liệt kê các môn học mà sinh viên phải chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp.

- [3] Nhóm các môn học trong chương trình:

- + Các môn học lý thuyết;
- + Các môn học lý thuyết có bài tập, thí nghiệm, thực hành;
- + Các môn học thí nghiệm, thực hành, thực tập tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành và xưởng thực tập;
- + Các môn học có đi thực tập và có làm bài tập lớn;
- + Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
- + Các môn học tự chọn và môn học bắt buộc;
- + Môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng (môn học cấp chứng chỉ).

[4] Phân bố các khối kiến thức trong chương trình đào tạo (CTĐT):

+ Ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Tổng hợp

KHỐI KIẾN THỨC	TÍN CHỈ		SỐ TIẾT					
			Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Môn học cấp chứng chỉ	0	0.00	285	100.00	90	31.58	195	68.42
Khối kiến thức giáo dục chuyên biệt								
Giáo dục quốc phòng	0		165	57.89	90	54.55	75	45.45
Giáo dục thể chất	0		120	42.11	0	0.00	120	100.00
Tổng cộng	0		285	100.00	90	31.58	195	68.42
Môn học trong chương trình đào tạo	135	100.00	2415	100.00	1410	58.39	1095	45.34
Khối kiến thức giáo dục đại cương								
Môn Khoa học tự nhiên	7	23.33	165	28.21	90	54.55	75	45.45
Môn Khoa học xã hội	23	76.67	420	71.79	240	57.14	180	42.86
Tổng cộng	30	22.22	585	24.22	330	56.41	255	43.59
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
Môn Cơ sở	49	52.69	765	51.52	510	66.67	255	33.33
Môn Chuyên ngành	38	40.86	585	39.39	405	69.23	180	30.77
Môn Tự chọn	6	6.45	135	9.09	60	44.44	75	125.00
Tổng cộng	93	68.89	1485	61.49	975	65.66	510	34.34
Bài thi tốt nghiệp								
Lý luận chính trị	2	16.67	30	8.70	15	50.00	15	50.00
Thực tập tốt nghiệp	3	25.00	90	26.09	0	0.00	90	100.00
Bài thi tốt nghiệp	7	58.33	225	65.22	90	40.00	225	100.00
<i>Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp</i>	6		225		0		225	
<i>Môn thi tốt nghiệp</i>								
<i>Môn thay thế bài thi tốt nghiệp</i>	7		105		90		15	
Tổng cộng	12	8.89	345	14.29	105	30.43	330	95.65

+ Ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Marketing

KHỐI KIẾN THỨC	TÍN CHỈ		SỐ TIẾT					
			Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Môn học cấp chứng chỉ	0	0.00	285	100.00	90	31.58	195	68.42
Khối kiến thức giáo dục chuyên biệt								
Giáo dục quốc phòng	0		165	57.89	90	54.55	75	45.45
Giáo dục thể chất	0		120	42.11	0	0.00	120	100.00
Tổng cộng	0		285	100.00	90	31.58	195	68.42
Môn học trong chương trình đào tạo	136	100.00	2415	100.00	1410	58.39	1095	45.34
Khối kiến thức giáo dục đại cương								
Môn Khoa học tự nhiên	7	25.00	165	30.56	90	54.55	75	45.45
Môn Khoa học xã hội	21	75.00	375	69.44	210	56.00	165	44.00
Tổng cộng	28	20.59	540	22.36	300	55.56	240	44.44
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
Môn Cơ sở	49	51.04	765	50.00	510	66.67	255	33.33
Môn Chuyên ngành	41	42.71	630	41.18	435	69.05	195	30.95
Môn Tự chọn	6	6.25	135	8.82	60	44.44	75	125.00
Tổng cộng	96	70.59	1530	63.35	1005	65.69	525	34.31
Bài thi tốt nghiệp								
Lý luận chính trị	2	16.67	30	8.70	15	50.00	15	50.00
Thực tập tốt nghiệp	3	25.00	90	26.09	0	0.00	90	100.00
Bài thi tốt nghiệp	7	58.33	225	65.22	90	40.00	225	100.00
<i>Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp</i>	6		225		0		225	
<i>Môn thi tốt nghiệp</i>								
<i>Môn thay thế bài thi tốt nghiệp</i>	7		105		90		15	
Tổng cộng	12	8.82	345	14.29	105	30.43	330	95.65

+ Ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Tài chính

KHỐI KIẾN THỨC	TÍN CHỈ		SỐ TIẾT					
			Tổng		Lý thuyết		Thực hành	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Môn học cấp chứng chỉ	0	0.00	285	100.00	90	31.58	195	68.42
Khối kiến thức giáo dục chuyên biệt								
Giáo dục quốc phòng	0		165	57.89	90	54.55	75	45.45
Giáo dục thể chất	0		120	42.11	0	0.00	120	100.00
Tổng cộng	0		285	100.00	90	31.58	195	68.42
Môn học trong chương trình đào tạo	136	100.00	2415	100.00	1440	59.63	1065	44.10
Khối kiến thức giáo dục đại cương								
Môn Khoa học tự nhiên	7	25.00	165	30.56	90	54.55	75	45.45
Môn Khoa học xã hội	21	75.00	375	69.44	210	56.00	165	44.00
Tổng cộng	28	20.59	540	22.36	300	55.56	240	44.44
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
Môn Cơ sở	51	53.13	810	52.94	540	66.67	270	33.33
Môn Chuyên ngành	35	36.46	540	35.29	375	69.44	165	30.56
Môn Tự chọn	10	10.42	180	11.76	120	66.67	60	50.00
Tổng cộng	96	70.59	1530	63.35	1035	67.65	495	32.35
Bài thi tốt nghiệp								
Lý luận chính trị	2	16.67	30	8.70	15	50.00	15	50.00
Thực tập tốt nghiệp	3	25.00	90	26.09	0	0.00	90	100.00
Bài thi tốt nghiệp	7	58.33	225	65.22	90	40.00	225	100.00
<i>Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp</i>	6		225		0		225	
<i>Môn thi tốt nghiệp</i>								
<i>Môn thay thế bài thi tốt nghiệp</i>	7		105		90		15	
Tổng cộng	12	8.82	345	14.29	105	30.43	330	95.65

5. Đối tượng tuyển sinh:

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) và qua kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- [1] Quy trình đào tạo được thiết kế theo đào tạo tín chỉ, lấy môn học với các học phần làm cơ sở tích lũy kiến thức và tích lũy đủ số tín chỉ của ngành. Sinh viên tự đăng ký môn học và thời khóa biểu theo sự tư vấn của cố vấn học tập.
- [2] Các môn học được bố trí theo học kỳ, năm học và khóa học. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, gồm 15 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập (bao gồm cả kiểm tra giữa kỳ); 02 - 03 tuần dành cho việc thi, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Ngoài học kỳ chính, còn có thể tổ chức học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè). Học kỳ hè có 03 - 04 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập, 01 tuần cho việc đánh giá tập trung.
- [3] Quy định khi đăng ký môn học và số tín chỉ đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Điều 8, Chương 2 Quy trình đào tạo, Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ, ban hành kèm theo quyết định số 115 - 09/QĐ - DSG - ĐT, ngày 18/03/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
 - + Học kỳ chính: Số tín chỉ đăng ký ≥ 14 tín chỉ và ≤ 20 tín chỉ (± 4 tín chỉ)
 - + Học kỳ phụ: Số tín chỉ đăng ký ≤ 06 tín chỉ
 - + Học kỳ chính được bố trí làm bài thi tốt nghiệp cuối khóa: Số tín chỉ đăng ký ≤ 15 tín chỉ (ngoài bài thi tốt nghiệp, số tín chỉ đăng ký cho các môn học khác ≤ 06 tín chỉ).
- [4] Một giờ tín chỉ được tính bằng 45 phút học tập; sau đây gọi chung là tiết.
 - + Tín chỉ được quy định bằng:

- 15 tiết học lý thuyết trên lớp;
 - 30 – 45 tiết thực hành, TN hoặc thảo luận, sử dụng định mức 30 tiết trong vận hành chương trình đào tạo tại Trường;
 - 45 – 60 giờ thực tập tại cơ sở;
 - 45 – 60 giờ cho sinh viên làm tiểu luận, bài tập, hoặc đồ án, luận văn tốt nghiệp.
- + Số tín chỉ của mỗi môn học phải là một số nguyên.
- + Đối với những môn học lý thuyết hoặc thực hành, THÍ NGHIỆM, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân (1 tiết cần ít nhất 2 giờ).

[5] Điều kiện tốt nghiệp:

- + Sinh viên đạt yêu cầu theo Điều 27, Chương 6 Xét và công nhận tốt nghiệp cuối khóa, Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy tập trung theo học chế tín chỉ, ban hành kèm theo quyết định số 115 - 09/QĐ - DSG - ĐT, ngày 18/03/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

7. Thang điểm đánh giá:

[1] Yêu cầu chung của môn học theo quy chế:

- + Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân;
- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học;
- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học;
- + Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo quy định.

[2] Để hoàn tất môn học, sinh viên phải “đạt”:

- + Điểm tổng kết môn học $\geq 5,0$ (năm) điểm theo thang điểm 10,0 (mười);
- + Thực hiện đầy đủ các yêu cầu đánh giá môn học theo trọng số (%) của các điểm thành phần như sau:
 - Điểm quá trình: -----chiếm (a) %
 - Điểm kiểm tra giữa kỳ: -----chiếm (b) %
 - Điểm thi cuối kỳ: -----chiếm (c) %
 - Điểm tổng kết môn học: ----- (a) + (b) + (c) = 100%
 - Trong đó: (a) + (b) $\leq 50\%$ và (c) $\geq 50\%$
- + Xếp loại đánh giá của môn học: Theo thang điểm 10,0.

Xếp loại		Thang điểm hệ 10 (chính thức)		Thang điểm hệ 4	
				Điểm chữ	Điểm số
Đạt yêu cầu tích lũy	Xuất sắc	Từ 9,0	đến 10,0	A+	4,00
	Giỏi	Từ 8,0	đến cận 9,0	A	3,50
	Khá	Từ 7,0	đến cận 8,0	B+	3,00
	Trung bình khá	Từ 6,0	đến cận 7,0	B	2,50
	Trung bình	Từ 5,0	đến cận 6,0	C	2,00
Không đạt tích lũy	Yếu	Từ 4,0	đến cận 5,0	D+	1,5
		Từ 3,0	đến cận 4,0	D	1,0
	Kém	Từ 2,0	đến cận 3,0	D-	1-
		Từ 1,0	đến cận 2,0		1-
		Từ 0,0	đến cận 1,0		1-

8. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo:

[1] Nội dung chương trình đào tạo gồm các phần:

- + Phần chung toàn trường:

- Tất cả các ngành đều có một số môn học chung – đó là phần chung toàn trường, ví dụ như các môn Khoa học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán cao cấp, Vật lý, Ngoại ngữ, Tin học đại cương ... đây là những môn học bắt buộc đối với mọi sinh viên.
- + Phần chung của một số ngành:
 - Giữa một số ngành liên quan có thể có các môn học chung. Các môn học này có thể được tổ chức giảng dạy ngay từ đầu học kỳ thứ nhất, hoặc có môn được dạy vào cả học kỳ cuối cùng trong chương trình đào tạo.
 - Việc giảng dạy của một số môn học này có thể không thuộc Khoa quản lý ngành phụ trách, mà lại do một Khoa khác phụ trách.
- + Các môn học của ngành:
 - Các môn học của ngành được trình bày dưới dạng “tiền trình diễn biến” trong các chương trình đào tạo, tức bố trí dạy trước sau theo một thứ tự hợp lý.

[2] Phân loại môn học – ký hiệu phân loại môn học:

- + Môn học bắt buộc ----- Ký hiệu: [BB]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.
- + Môn học tự chọn ----- Ký hiệu: [TC]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.
- + Môn học thay thế = Môn học tương đương ----- Ký hiệu: [TT/TD]
 - Môn học thuộc CTĐT của khóa – ngành đang được tổ chức giảng dạy tại Trường mà sinh viên được phép học, tích lũy để thay thế cho môn học khác trong CTĐT của ngành đào tạo. Khái niệm môn học thay thế được sử dụng khi môn học vốn có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy (hoặc trong học kỳ đang xét không tổ chức giảng dạy) và được thay thế bằng môn học khác. Môn học thay thế sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất trong quá trình triển khai CTĐT trong thực tế.
 - Trong chương trình đào tạo của các ngành có một số môn học mà việc tổ chức giảng dạy và học tập không phải do Khoa quản lý ngành phụ trách mà do một Khoa khác chịu trách nhiệm. Điều đó cũng có nghĩa là trong các chương trình đào tạo có thể có một số môn học trùng tên nhau (Ví dụ như môn Tin học chuyên ngành 1 ở các ngành khác nhau), nhưng nội dung được xây dựng có nhiều phần khác nhau, nhằm phục vụ cho những đối tượng khác (đương nhiên cũng có nhiều phần giống nhau). Việc xét tương đương môn học khi sinh viên chuyển ngành, chuyển khóa đào tạo sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất.
- + Môn học trước, môn học song hành, môn học sau, môn học tiên quyết:
 - Việc sắp xếp các môn học trong mỗi học kỳ là nhằm hướng sinh viên theo học đúng trình tự đó. Điều này cũng nêu lên tính chất tiên quyết của các môn học.
 - Ví dụ: Một môn học X nào đó được tổ chức học tập tại học kỳ thứ (i), có nghĩa là ở các học kỳ trước đó (i – 1) đã phải tổ chức học tập một hay vài môn học nhằm chuẩn bị kiến thức cơ sở cho việc học môn X. Do đó phải tuân thủ trình tự sắp xếp các môn học trong chương trình đào tạo. Và đôi khi, môn X có thể có tác dụng chuẩn bị để học môn Y sau đó ở học kỳ thứ (i + 1)
 - Cũng có một vài trường hợp đặc biệt, do không sắp xếp được, nên có khái niệm môn học song hành – môn học B là song hành với môn học A là môn học mà lẽ ra phải được học trước, ít ra với một số phần, so với môn A nhưng do những lý do bất khả kháng, phải bố trí cho sinh viên theo học đồng thời với môn học A.

- Môn học tiên quyết ----- Ký hiệu: [TQ]
 - Môn học trước ----- Ký hiệu: [Tr]
 - Môn học song hành ----- Ký hiệu: [SH]
- + Quy ước về điểm số của môn học trước hay môn học tiên quyết:
- Sinh viên phải có điểm số của môn học trước lớn hơn 0,0 điểm (không điểm) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.
 - Sinh viên phải có điểm số của môn học tiên quyết hơn 5,0 điểm (năm điểm – điểm đạt) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.

[3] Ký hiệu liên quan đến môn học:

- + Môn học được thể hiện:
- Mã số môn học: ----- [9THTHDC001]
 - Tên môn học: ----- Tin học đại cương
 - Tín chỉ: ----- 2[2.0.4]
- + Môn học Tin học đại cương được thể hiện 2[2.0.4] có thể đọc và hiểu như sau:
- Môn học Tin học đại cương, 2 tín chỉ có khối lượng học tập trong học kỳ như sau:
 - 2 x 15 tiết lý thuyết trên lớp;
 - 0 x 15 tiết TN / thực hành / bài tập / thảo luận tại phòng TN / xưởng thực hành / phòng chuyên đề / phòng học / phòng máy;
 - 4 x 15 giờ tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

[4] Cách tổ chức lớp các môn lý thuyết:

- + Giảng viên giảng dạy lý thuyết tại lớp, kết hợp giao bài tập, giao đề tài, giao câu hỏi để sinh viên thảo luận tại lớp, hoặc đưa về nhà làm tùy từng môn. Giảng viên có thể cung cấp trước tài liệu, sinh viên tự soạn bài học ở nhà, đến lớp giảng viên hệ thống lại, nhấn mạnh những chỗ cần thiết và làm bài tập thực hành tại lớp.

[5] Cách tổ chức lớp các môn thực hành hay đồ án môn học:

- + Giảng viên ra đầu đề cho từng sinh viên, hướng dẫn sinh viên tại lớp, sinh viên tự làm ở nhà, từng bước giảng viên thông qua và duyệt. Cuối cùng sinh viên nộp bài, giảng viên chấm trước và tổ chức cho sinh viên bảo vệ trước mặt giảng viên.

9. Nội dung chương trình:

- + Ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Tổng hợp

STT	HỌC KỲ	MÃ SỐ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC						
				Tín chỉ	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Đồ án	Tốt nghiệp	Tổng cộng
1	1	9CBCTDC001	Những NL CB của CN Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	75
2	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	15	0	30	0	0	45
3	1	1CBTODC004	Toán C1 (Vi tích phân hàm 1 và nhiều biến)	2	30	15	0	0	0	45
4	1	1QTCHCS023	Marketing căn bản	3	30	15	0	0	0	45
5	1	1QTCHCS002	Quản trị học	3	30	15	0	0	0	45
6	1	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	30
7	1	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	30
				15	150	75	90	0	0	315
8	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	30
9	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	15	0	30	0	0	45
10	2	1CBTODC005	Toán C2 (Đại số tuyến tính)	2	30	15	0	0	0	45
11	2	9CBXHDC001	Pháp luật VN đại cương	2	30	15	0	0	0	45
12	2	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	0	0	0	0	30
13	2	9THTHDC002	TH Tin học đại cương	1	0	0	45	0	0	45

STT	HỌC KỲ	MÃ SỐ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC						
				Tin chỉ	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Đồ án	Tốt nghiệp	Tổng cộng
14	2	1QTCHCS005	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	2	30	15	0	0	0	45
15	2	1QTCHCS003	Kinh tế vi mô	3	30	15	0	0	0	45
16	2	9QTCHCS001	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3	15	0	30	0	0	45
				20	210	60	105	0	0	375
17	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	15	0	30	0	0	45
18	3	9CBCTDC003	Đường lối CM của Đảng CS VN	3	45	0	0	0	0	45
19	3	1QTCHCS004	Kinh tế vĩ mô	3	30	15	0	0	0	45
20	3	9QTTODC002	Xác suất thống kê	3	30	15	0	0	0	45
21	3	1QTCHCS011	Nguyên lý kế toán	3	30	15	0	0	0	45
22	3	9QTCHCS002	Luật kinh tế	3	45	0	0	0	0	45
23	3	1QTCHCN002	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	0	0	0	0	45
24	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	30
25	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	30
				20	240	45	90	0	0	375
26	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	15	0	30	0	0	45
27	4	1QTXHDC001	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	3	30	15	0	0	0	45
28	4	9QTCHCS003	Phương pháp định lượng	3	30	15	0	0	0	45
29	4	1QTCHCS010	Thuế	2	30	15	0	0	0	45
30	4	1QTCHCS024	Quản trị hành chính văn phòng	3	30	15	0	0	0	45
31	4	1QTCHCS020	Quản trị chất lượng	3	30	15	0	0	0	45
32	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	0	90	15	60	0	0	165
				16	255	90	90	0	0	435
33	5	1QTCHCS021	Hành vi tổ chức	3	30	15	0	0	0	45
34	5	9QTCHCS004	Thống kê trong kinh doanh	3	30	15	0	0	0	45
35	5	1QTKDCN002	Quản trị bán hàng	3	30	15	0	0	0	45
36	5	1QTCHCS022	Thị trường chứng khoán	3	30	15	0	0	0	45
37	5	1QTCHCN001	Quản trị tài chính căn bản (QTTC 1)	3	30	15	0	0	0	45
38	5	1QTCHCN009	Quản trị Marketing	3	30	15	0	0	0	45
				18	180	90	0	0	0	270
39	6	1QTCHCN011	Quản trị chuỗi cung ứng	3	30	15	0	0	0	45
40	6	1QTCHCN008	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	2	30	15	0	0	0	45
41	6	1QTCHCN003	Quản trị chiến lược	3	30	15	0	0	0	45
42	6	1QTKDCN003	Quản trị dự án	3	30	15	0	0	0	45
43	6	1QTKDCN004	Quản trị vận hành	3	30	15	0	0	0	45
44	6	0	Môn học tự chọn 2: Chọn 1 trong 3	2	30	15	0	0	0	45
45	6	1QTCHTC205	Thương mại điện tử							
46	6	1QTCHTC202	Marketing quốc tế							
47	6	1QTCHTC206	Thanh toán quốc tế							
48	6	1QTCHTC207	Kế toán Mỹ							
49	6	0	Môn học tự chọn 3: Chọn 1 trong 3	2	30	15	0	0	0	45
50	6	1QTCHTC302	Đạo đức và văn hóa trong kinh doanh							
51	6	1QTCHTC308	Nghệ thuật lãnh đạo							
52	6	1QTCHTC307	Quản trị ngân hàng thương mại							
				18	210	105	0	0	0	315
53	7	1QTCHCN005	Kế toán quản trị	3	30	15	0	0	0	45

STT	HỌC KỲ	MÃ SỐ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC						
				Tín chỉ	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Đồ án	Tốt nghiệp	Tổng cộng
54	7	1QTCHCN006	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	15	0	0	0	45
55	7	1QTKDCN006	Quản trị rủi ro	3	30	15	0	0	0	45
56	7	1QTCHCN020	Khởi nghiệp	3	30	15	0	0	0	45
57	7	0	Môn học tự chọn 4: Chọn 1 trong 3	2	0	0	45	0	0	45
58	7	1QTCHTC405	TH Tin học trong kế toán (Excel)							
59	7	1QTCHTC406	TH Lập kế hoạch Marketing							
60	7	0	Môn học tự chọn 1	2	30	15	0	0	0	45
61	7	1QTCHCN015	Nghiệp vụ ngoại thương							
62	7	1QTCHCN016	Hệ thống thông tin quản lý							
				16	150	75	45	0	0	270
63	8	ICBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	30
64	8	1QTTTTN002	Thực tập tốt nghiệp	3	0	0	90	0	0	90
65	8	0	Chọn 1 trong 2 hình thức:	0	0	0	0	0	0	0
66	8	1QTBTTN006	ĐA / Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	0	0	225	225
			Thay thế Bài thi tốt nghiệp:							
67	8	1QTCHCN017	Marketing giữa các tổ chức	2	30	0	0	0	0	30
68	8	1QTCHCN018	Thị trường tài chính phái sinh	2	30	0	0	0	0	30
69	8	1QTCHCN019	Quản trị dịch vụ	3	30	15	0	0	0	45
				11	15	15	90	0	225	345
				12	105	30	90	0	0	225
				134	1410	555	510	0	225	2700
				135	1500	570	510	0	0	2580

+ Ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Marketing

STT	HỌC KỲ	MÃ SỐ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC						
				Tín chỉ	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Đồ án	Tốt nghiệp	Tổng cộng
1	1	9CBCTDC001	Những NL CB của CN Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	75
2	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	15	0	30	0	0	45
3	1	1CBTODC004	Toán C1 (Vi tích phân hàm 1 và nhiều biến)	2	30	15	0	0	0	45
4	1	1QTCHCS023	Marketing căn bản	3	30	15	0	0	0	45
5	1	1QTCHCS002	Quản trị học	3	30	15	0	0	0	45
6	1	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	30
7	1	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	30
				15	150	75	90	0	0	315
8	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	30
9	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	15	0	30	0	0	45
10	2	1CBTODC005	Toán C2 (Đại số tuyến tính)	2	30	15	0	0	0	45
11	2	9CBXHDC001	Pháp luật VN đại cương	2	30	15	0	0	0	45
12	2	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	0	0	0	0	30
13	2	9THTHDC002	TH Tin học đại cương	1	0	0	45	0	0	45
14	2	1QTCHCS005	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	2	30	15	0	0	0	45
15	2	1QTCHCS003	Kinh tế vi mô	3	30	15	0	0	0	45
16	2	9QTCHCS001	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3	15	0	30	0	0	45
				20	210	60	105	0	0	375
17	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	15	0	30	0	0	45

STT	HỌC KỲ	MÃ SỐ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC						
				Tín chỉ	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Đồ án	Tốt nghiệp	Tổng cộng
18	3	9CBCTDC003	Đường lối CM của Đảng CS VN	3	45	0	0	0	0	45
19	3	1QTCHCS004	Kinh tế vĩ mô	3	30	15	0	0	0	45
20	3	9QTTODC002	Xác suất thống kê	3	30	15	0	0	0	45
21	3	1QTCHCS011	Nguyên lý kế toán	3	30	15	0	0	0	45
22	3	9QTCHCS002	Luật kinh tế	3	45	0	0	0	0	45
23	3	1QTCHCN002	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	0	0	0	0	45
24	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	30
25	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	30
				20	240	45	90	0	0	375
26	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	15	0	30	0	0	45
27	4	1QTXHDC001	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	3	30	15	0	0	0	45
28	4	9QTCHCS003	Phương pháp định lượng	3	30	15	0	0	0	45
29	4	1QTCHCS010	Thuế	2	30	15	0	0	0	45
30	4	1QTCHCS020	Quản trị chất lượng	3	30	15	0	0	0	45
31	4	1QTCHCS024	Quản trị hành chính văn phòng	3	30	15	0	0	0	45
32	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	0	90	15	60	0	0	165
				16	255	90	90	0	0	435
33	5	9QTCHCS004	Thống kê trong kinh doanh	3	30	15	0	0	0	45
34	5	1QTMACN002	Hành vi người tiêu dùng	3	30	15	0	0	0	45
35	5	1QTCHCS022	Thị trường chứng khoán	3	30	15	0	0	0	45
36	5	1QTCHCS021	Hành vi tổ chức	3	30	15	0	0	0	45
37	5	1QTMACN009	Nghiên cứu Marketing	3	30	15	0	0	0	45
38	5	1QTCHCN001	Quản trị tài chính căn bản (QTTC1)	3	30	15	0	0	0	45
				18	180	90	0	0	0	270
39	6	1QTCHCN011	Quản trị chuỗi cung ứng	3	30	15	0	0	0	45
40	6	1QTCHCN008	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	2	30	15	0	0	0	45
41	6	1QTCHCN003	Quản trị chiến lược	3	30	15	0	0	0	45
42	6	1QTCHCN009	Quản trị Marketing	3	30	15	0	0	0	45
43	6	1QTMACN010	Quản trị quan hệ khách hàng	3	30	15	0	0	0	45
44	6	0	Môn học tự chọn 2	2	30	15	0	0	0	45
45	6	1QTCHTC205	Thương mại điện tử							
46	6	1QTCHTC202	Marketing quốc tế							
47	6	1QTCHTC206	Thanh toán quốc tế							
48	6	1QTCHTC207	Kế toán Mỹ							
49	6	0	Môn học tự chọn 3	2	30	15	0	0	0	45
50	6	1QTCHTC302	Đạo đức và văn hóa trong kinh doanh							
51	6	1QTCHTC308	Nghệ thuật lãnh đạo							
52	6	1QTCHTC307	Quản trị ngân hàng thương mại							
				18	210	105	0	0	0	315
53	7	1QTCHCN005	Kế toán quản trị	3	30	15	0	0	0	45
54	7	1QTCHCN006	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	15	0	0	0	45
55	7	1QTMACN011	Tiếp thị truyền thông và tích hợp	3	30	15	0	0	0	45
56	7	1QTKDCN002	Quản trị bán hàng	3	30	15	0	0	0	45
57	7	0	Môn học tự chọn 4	2	0	0	45	0	0	45
58	7	1QTCHTC405	TH Tin học trong kế toán (Excel)							

STT	HỌC KỲ	MÃ SỐ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC						
				Tin chỉ	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Đồ án	Tốt nghiệp	Tổng cộng
59	7	1QTCHTC406	TH Lập kế hoạch Marketing							
60	7	0	Môn học tự chọn 1	3	30	15	0	0	0	45
61	7	1QTCHCN020	Khởi nghiệp							
62	7	1QTMACN012	Marketing dịch vụ							
				17	150	75	45	0	0	270
63	8	1CBBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	30
64	8	1QTTTTN002	Thực tập tốt nghiệp	3	0	0	90	0	0	90
65	8	0	Chọn 1 trong 2 hình thức:	0	0	0	0	0	0	0
66	8	1QTBTTN006	ĐA / Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	0	0	225	225
			Thay thế Bài thi tốt nghiệp:							
67	8	1QTCHCN017	Marketing giữa các tổ chức	2	30	0	0	0	0	30
68	8	1QTCHCN018	Thị trường tài chính phái sinh	2	30	0	0	0	0	30
69	8	1QTCHCN019	Quản trị dịch vụ	3	30	15	0	0	0	45
				11	15	15	90	0	225	345
				12	105	30	90	0	0	225
				134	1410	555	510	0	225	2700
				135	1500	570	510	0	0	2580

+ Ngành Quản trị Kinh doanh, chuyên ngành Quản trị Tài chính

STT	HỌC KỲ	MÃ SỐ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC						
				Tin chỉ	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Đồ án	Tốt nghiệp	Tổng cộng
1	1	9CBCTDC001	Những NL CB của CN Mác - Lênin	4	45	30	0	0	0	75
2	1	9CBAVDC001	Tiếng Anh 1	3	15	0	30	0	0	45
3	1	1CBTODC004	Toán C1 (Vi tích phân hàm 1 và nhiều biến)	2	30	15	0	0	0	45
4	1	1QTCHCS023	Marketing căn bản	3	30	15	0	0	0	45
5	1	1QTCHCS002	Quản trị học	3	30	15	0	0	0	45
6	1	9CBTDDC001	Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	30
7	1	9CBTDDC002	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)	0	0	0	30	0	0	30
				15	150	75	90	0	0	315
8	2	9CBCTDC002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	0	30
9	2	9CBAVDC002	Tiếng Anh 2	3	15	0	30	0	0	45
10	2	1CBTODC005	Toán C2 (Đại số tuyến tính)	2	30	15	0	0	0	45
11	2	9CBXHDC001	Pháp luật VN đại cương	2	30	15	0	0	0	45
12	2	9THTHDC001	Tin học đại cương	2	30	0	0	0	0	30
13	2	9THTHDC002	TH Tin học đại cương	1	0	0	45	0	0	45
14	2	1QTCHCS005	Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ	2	30	15	0	0	0	45
15	2	1QTCHCS003	Kinh tế vi mô	3	30	15	0	0	0	45
16	2	9QTCHCS001	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3	15	0	30	0	0	45
				20	210	60	105	0	0	375
17	3	9CBAVDC003	Tiếng Anh 3	2	15	0	30	0	0	45
18	3	9CBCTDC003	Đường lối CM của Đảng CS VN	3	45	0	0	0	0	45
19	3	1QTCHCS004	Kinh tế vĩ mô	3	30	15	0	0	0	45
20	3	9QTTODC002	Xác suất thống kê	3	30	15	0	0	0	45
21	3	1QTCHCS011	Nguyên lý kế toán	3	30	15	0	0	0	45
22	3	9QTCHCS002	Luật kinh tế	3	45	0	0	0	0	45

STT	HỌC KỲ	MÃ SỐ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC						
				Tín chỉ	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Đồ án	Tốt nghiệp	Tổng cộng
23	3	1QTCHCN002	Quản trị nguồn nhân lực	3	45	0	0	0	0	45
24	3	9CBTDDC003	Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	30
25	3	9CBTDDC004	Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)	0	0	0	30	0	0	30
				20	240	45	90	0	0	375
26	4	9CBAVDC004	Tiếng Anh 4	2	15	0	30	0	0	45
27	4	1QTXHDC001	Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh	3	30	15	0	0	0	45
28	4	9QTCHCS003	Phương pháp định lượng	3	30	15	0	0	0	45
29	4	1QTCHCS010	Thuế	2	30	15	0	0	0	45
30	4	1QTCHCS020	Quản trị chất lượng	3	30	15	0	0	0	45
31	4	1QTCHCS024	Quản trị hành chính văn phòng	3	30	15	0	0	0	45
32	4	9DTQS00001	Giáo dục quốc phòng (ĐH)	0	90	15	60	0	0	165
				16	255	90	90	0	0	435
33	5	1QTCHCS021	Hành vi tổ chức	3	30	15	0	0	0	45
34	5	9QTCHCS004	Thống kê trong kinh doanh	3	30	15	0	0	0	45
35	5	1QTCHCS019	Nghiệp vụ ngân hàng	2	30	15	0	0	0	45
36	5	1QTCHCS022	Thị trường chứng khoán	3	30	15	0	0	0	45
37	5	1QTCHCN001	Quản trị tài chính căn bản (QTTC1)	3	30	15	0	0	0	45
38	5	1QTTCCN001	Kế toán tài chính 1	3	30	15	0	0	0	45
				17	180	90	0	0	0	270
39	6	1QTCHCN008	Phương pháp nghiên cứu trong quản trị	2	30	15	0	0	0	45
40	6	1QTCHCN003	Quản trị chiến lược	3	30	15	0	0	0	45
41	6	1QTTCCN003	Kế toán tài chính 2	3	30	15	0	0	0	45
42	6	1QTTCCN004	Quản trị tài chính nâng cao (QTTC2)	3	30	15	0	0	0	45
43	6	1QTTCCN008	Thị trường và các định chế tài chính	3	30	15	0	0	0	45
44	6	0	Môn học tự chọn 2	2	30	15	0	0	0	45
45	6	1QTCHTC205	Thương mại điện tử							
46	6	1QTCHTC202	Marketing quốc tế							
47	6	1QTCHTC206	Thanh toán quốc tế							
48	6	1QTCHTC207	Kế toán Mỹ							
49	6	0	Môn học tự chọn 3	2	30	15	0	0	0	45
50	6	1QTCHTC302	Đạo đức và văn hóa trong kinh doanh							
51	6	1QTCHTC308	Nghệ thuật lãnh đạo							
52	6	1QTCHTC307	Quản trị ngân hàng thương mại							
				18	210	105	0	0	0	315
53	7	1QTCHCN005	Kế toán quản trị	3	30	15	0	0	0	45
54	7	1QTCHCN006	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	30	15	0	0	0	45
55	7	1QTCHCN009	Quản trị Marketing	3	30	15	0	0	0	45
56	7	0	Môn học tự chọn 4	3	30	15	0	0	0	45
57	7	1QTCHTC405	TH Tin học trong kế toán (Excel)							
58	7	1QTCHTC406	TH Lập kế hoạch Marketing							
59	7	0	Môn học tự chọn 5	3	30	15	0	0	0	45
63	8	1CBTTN001	Lý luận chính trị cuối khóa	2	15	15	0	0	0	30
64	8	1QTTTTN002	Thực tập tốt nghiệp	3	0	0	90	0	0	90
65	8	0	Chọn 1 trong 2 hình thức:	0	0	0	0	0	0	0
66	8	1QTBTTN006	ĐA / Khóa luận tốt nghiệp	6	0	0	0	0	225	225

STT	HỌC KỲ	MÃ SỐ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔ TẢ MÔN HỌC						
				Tín chỉ	Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Đồ án	Tốt nghiệp	Tổng cộng
			Thay thế Bài thi tốt nghiệp:							
67	8	1QTCHCN017	Marketing giữa các tổ chức	2	30	0	0	0	0	30
68	8	1QTCHCN018	Thị trường tài chính phái sinh	2	30	0	0	0	0	30
69	8	1QTCHCN019	Quản trị dịch vụ	3	30	15	0	0	0	45
				11	15	15	90	0	225	345
				12	105	30	90	0	0	225
				134	1410	555	510	0	225	2700
				135	1500	570	510	0	0	2580

10. Tóm tắt môn học:

[1] Tiếng Anh 1

- + Môn học nhằm mang lại cho sinh viên kiến thức và kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề “Communicating in English”, “All kinds of people”, “Free time”, “People”, “Money”, “Travel and tourism” và “Food and drink”. Hơn thế nữa, hướng đến chuẩn hóa theo chứng chỉ TOEIC, môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu và đọc hiểu theo đề thi TOEIC theo các chủ điểm ngữ pháp Auxiliary verbs, Tenses, Infinitives and gerunds, Participles and participle clauses, và Negation and parallel structure.

[2] Tiếng Anh 2

- + Môn học nhằm mang lại cho sinh viên kiến thức và kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề “Health”, “Self - improvement”, “In the city”, “Customs”, “Famous people”, “Home, sweet home”, và “Then and now”. Hơn thế nữa, hướng đến chuẩn hóa theo chứng chỉ TOEIC, môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu và đọc hiểu theo đề thi TOEIC theo các chủ điểm ngữ pháp Comparisons, Agreement, Relative clauses, Voice, Conjunctions and prepositions.

[3] Tiếng Anh 3

- + Môn học nhằm mang lại cho sinh viên kiến thức và kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề “Getting to know you”, “Making a good impression”, “Food and cooking”, “Weather”, “Working for a living”, “Leisure time”, và “Sports and games”. Hơn thế nữa, hướng đến chuẩn hóa theo chứng chỉ TOEIC, môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu và đọc hiểu theo đề thi TOEIC theo các chủ điểm ngữ pháp Gerunds and Infinitives, Subject - Verb Agreement, Verb Form and Tenses, Participial Forms, Comparatives and Superlatives.

[4] Tiếng Anh 4

- + Môn học nhằm mang lại cho sinh viên kiến thức và kỹ năng giao tiếp theo các chủ đề “Vacation time”, “Inventions and gadgets”, “The environment”, “News and current events”, “City life”, “Entertainment and art”, và “The past”. Hơn thế nữa, hướng đến chuẩn hóa theo chứng chỉ TOEIC, môn học còn trang bị cho sinh viên kỹ năng làm các bài tập nghe hiểu và đọc hiểu theo đề thi TOEIC theo các chủ điểm ngữ pháp Pronouns and Determiners, Nouns and Articles, Relative Clauses, Conjunctions and Prepositions, Conditionals.

[5] Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

- + Giới thiệu chung về Chủ nghĩa Mác - Lênin. Tập trung làm rõ về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin và vai trò của nó. Trên cơ sở đó, làm rõ những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin.

- [6] Tư tưởng Hồ Chí Minh
- + Cấu trúc nội dung môn học bảo đảm sự thống nhất trong việc trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.
 - + Ngoài phần giới thiệu chung về khái niệm, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh, cần làm rõ những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo quan điểm và các nguồn tư liệu chính thống đã được khẳng định trong các Văn kiện của Đảng ta.
 - + Trong triển khai chương trình và viết giáo trình cần tập trung làm rõ giá trị bền vững của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với toàn bộ tiến trình cách mạng nước ta hiện nay và mai sau; cần nhấn mạnh những đóng góp của Hồ Chí Minh đối với sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào cách mạng thế giới.
- [7] Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
- + Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học mang tính tích lũy tri thức từ các môn học khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và một số môn học chuyên ngành khác. Nghĩa là, ngoài việc tiếp cận theo phương pháp lịch sử cần vận dụng tri thức của các môn học gắn với đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo.
 - + Nội dung chủ yếu của môn học này là làm rõ quá trình hình thành, phát triển đường lối cách mạng Việt Nam trên các lĩnh vực cơ bản, trong đó chú trọng làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và nội dung đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. --
- [8] Pháp luật Việt Nam đại cương
- + Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như: Nguồn gốc của nhà nước và pháp luật, bản chất nhà nước và pháp luật, tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật ... và những kiến thức cơ bản của một số ngành luật như Luật Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hôn nhân gia đình, Luật Lao động. Những kiến thức cơ bản trên đây giúp sinh viên hình thành tư duy về pháp luật, nâng cao tinh thần thượng tôn pháp luật, sống và làm việc theo pháp luật.
- [9] Giáo dục thể chất 1 (Bóng chuyền)
- + Phần lý thuyết: Một số vấn đề cơ bản về quan điểm, đường lối và chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới. Mục đích, nhiệm vụ và yêu cầu của giáo dục thể chất đối với sinh viên. Cơ sở khoa học của việc tập luyện thể dục thể thao đối với sinh viên. Các nguyên tắc và phương pháp tập luyện thể dục thể thao. Vệ sinh thể dục thể thao.
 - + Phần thực hành: Các kỹ năng vận động và thể lực chung thuộc môn thể thao Điền kinh (Chạy cự ly trung bình nam 1.500 mét, nữ 800 mét) và môn Thể dục (đội hình, đội ngũ, bài tập thể dục tay không, một số bài tập khác: khiêng, vác, cứu hộ, ...).
- [10] Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)
- + Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời của bóng chuyền, luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu, công tác trọng tài.
 - + Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản bóng chuyền: Tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng, đập và chắn bóng.
- [11] Giáo dục thể chất 3 (Bóng rổ)
- + Phần lý thuyết: Lý luận chung về chấn thương thể dục thể thao. Lý thuyết chung môn bóng rổ.
 - + Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản của bóng rổ: Di chuyển không bóng, dẫn bóng, chuyền bóng, đón - bắt bóng, qua người, ném rổ và hai bước lên rổ.

- [12] Giáo dục thể chất 4 (Bóng rổ)
- + Phần lý thuyết: Đề phòng chấn thương; một số trạng thái xấu của cơ thể và sơ cứu trong thể dục thể thao.
 - + Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật bóng chuyền: Chiến thuật cơ bản, chiến thuật tấn công và phòng thủ liên phòng. Thực tập thi đấu, trọng tài và tổ chức thi đấu bóng rổ.
- [13] Tin học đại cương
- + Môn song hành: Thực hành Tin học đại cương
 - + Môn Tin học đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức đại cương tổng quan về máy tính, các hệ thống số và cách biểu diễn thông tin trong máy tính. Các kiến thức chung về hệ điều hành, các ứng dụng cụ thể: Hệ điều hành Windows XP, kiến thức Internet và ứng dụng, phần mềm soạn thảo văn bản MS Word, phần mềm xử lý bảng biểu MS Excel.
 - + Chú trọng các kiến thức kỹ năng căn bản sử dụng máy tính cho sinh viên các ngành đào tạo khác nhau trong trường.
- [14] Thực hành Tin học đại cương
- + Môn song hành: Tin học đại cương
 - + Nội dung tóm tắt:
 - Cung cấp các kiến thức nền tảng về tin học.
 - Nắm được các thành phần chính của PC, nguyên lí hoạt động.
 - Hiểu và sử dụng tốt Hệ điều hành Windows.
 - Sử dụng phần mềm Microsoft Word.
 - Internet và một số dịch vụ: Mail, WEB, Chat, FTP.....
 - Cài đặt và sử dụng một số phần mềm tiện ích: VIRUS.....
 - Khái niệm về ngôn ngữ C++.
- [15] Toán C
- + Học phần giới thiệu về Ma trận, Định thức, Hệ phương trình tuyến tính, Vi tích phân hàm một biến và một số khái niệm về phương trình vi phân.
- [16] Toán C1 (Vi tích phân hàm 1 biến và nhiều biến)
- + Học phần giới thiệu về Vi tích phân hàm một biến, Vi phân hàm nhiều biến và một số kiến thức cơ bản về phương trình vi phân.
- [17] Toán C2 (Đại số tuyến tính)
- + Học phần giới thiệu về Ma trận, Định thức, Hệ phương trình tuyến tính, Không gian vectơ và Chéo hóa ma trận.
- [18] KHXHNV tự chọn 1: Kỹ năng giao tiếp
- + Mục tiêu về kiến thức:
 - Trình bày khái niệm, vai trò của giao tiếp
 - Trình bày các nguyên tắc giao tiếp và các nguyên tắc thuyết trình trước đám đông
 - Phân tích các đặc điểm của giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ
 - Giải thích các kỹ năng giao tiếp
 - + Mục tiêu về kỹ năng:
 - Giới thiệu thông tin trước đám đông
 - Thuyết trình một chủ đề trước đám đông
 - Đặt câu hỏi theo các dạng khác nhau về một chủ đề sau khi được theo dõi
 - Sắp xếp thông tin logic trước và trong quá trình giao tiếp
 - Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các tình huống khác nhau
 - Tổ chức và quản lý hoạt động học tập một cách hiệu quả
 - Tự tin khi thuyết trình trước đám đông

- Có thái độ tích cực trong lắng nghe, tư duy, đánh giá, phân tích nội dung giao tiếp với các đối tượng giao tiếp khác nhau

[19] KHXHNV tự chọn 2: Phương pháp luận sáng tạo

- + Giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất của phương pháp tư duy sáng tạo. 13 phương pháp tư duy sáng tạo phổ biến trên thế giới; Lý thuyết sáng tạo TRIZ; Một số vận dụng của các phương pháp tư duy sáng tạo trong công tác quản lý, điều hành, trong công việc của nhà thiết kế, sản xuất, kinh doanh...; Phương pháp rèn luyện để làm người sáng tạo.

[20] KHXHNV tự chọn 1: Đại cương văn hóa Việt Nam

- + Học phần này giúp sinh viên nắm được một số vấn đề cơ bản của văn hóa Việt Nam, xác định tọa độ văn hóa Việt Nam và các thành tố văn hóa như văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống cộng đồng, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội.

[21] Marketing căn bản

- + Môn học giới thiệu các khái niệm và nguyên lý cơ bản của Marketing.
- + Sinh viên sẽ được giới thiệu một cách tổng quát về quy trình hoạch định, thực thi và kiểm soát marketing trong bối cảnh kinh doanh hiện đại. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được trang bị các kiến thức về hệ thống thông tin marketing, nghiên cứu marketing, phân khúc thị trường, hành vi người mua hàng, phát triển sản phẩm, xây dựng các chiến lược sản phẩm, giá, phân phối và truyền thông cho sản phẩm và dịch vụ đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và quốc tế. Ngoài ra, môn học sẽ nhấn mạnh đến tầm quan trọng của Internet trong các hoạt động marketing của doanh nghiệp ngày nay.

[22] Quản trị học

- + Môn học cung cấp những nguyên lý và kỹ thuật cần được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Qua môn học này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp, ...): Khái niệm và sự cần thiết của quản trị, bốn chức năng cơ bản của quản trị, việc ra quyết định, khái niệm về doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức quản lý doanh nghiệp, ...

[23] Xác suất thống kê

- + Môn học được kết cấu thành hai phần tương đối độc lập về cấu trúc nhưng có liên quan chặt chẽ về nội dung: đại cương về lý thuyết xác suất, nhằm cung cấp các kiến thức cơ bản về xác suất, cơ sở toán học của thống kê và phân thống kê bao gồm thống kê mô tả và suy diễn thống kê cho một tổng thể. Phần xác suất bao gồm xác suất căn bản mà phần lớn nội dung đã được giới thiệu ở Đại số lớp 10, biến ngẫu nhiên và một số phân phối xác suất rời rạc và liên tục thông dụng. Phần thống kê giới thiệu một số phương pháp dùng để thu thập dữ liệu; mô tả dữ liệu bằng bảng, đồ thị và các đặc trưng đo lường đơn biến (đã được đưa vào giảng dạy ở Đại số và giải tích lớp 11) và đa biến; ước lượng và kiểm định giả thuyết cho một tổng thể.
- + Sinh viên sẽ sử dụng Microsoft Excel, PHStat Add-in và SPSS(Statistical Package for Social Sciences) để xử lý và phân tích dữ liệu. Chúng tôi chọn dùng Excel và SPSS vì nó khá phổ biến và dễ sử dụng. Việc dùng Excel để xử lý tuy có thủ công nhưng sẽ giúp người học củng cố lại lý thuyết.

[24] Kinh tế vi mô

- + Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh

tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó, sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng khi học các học phần tiếp theo.

[25] Tin học ứng dụng trong kinh doanh

- + Môn học này giới thiệu phần mềm máy tính Microsoft Word, Microsoft PowerPoint và Microsoft Excel. Sinh viên sẽ được rèn luyện để hoàn thiện kỹ năng và biến chúng thành các công cụ hữu ích hỗ trợ hiệu quả cho việc học tập tất cả các môn học khác cũng như cho việc đi làm sau này. Tính chất ứng dụng sẽ được nhấn mạnh thông qua các ví dụ thực tế.

[26] Kinh tế vĩ mô

- + Môn học trước: Kinh tế vi mô
- + Môn học cung cấp một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính trong tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở bao gồm: cán cân thanh toán, tỉ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

[27] Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ

- + Môn học cung cấp những kiến thức căn bản về tài chính và tiền tệ: Tiền đề, bản chất, chức năng của tài chính; Hệ thống tài chính và vai trò của các khâu trong hệ thống tài chính; Những kiến thức cơ bản về tiền tệ; Công tác kiểm tra tài chính; Khái quát những nội dung chủ yếu của hoạt động tài chính trong các lĩnh vực như: Ngân sách nhà nước, Bảo hiểm, Tín dụng, Tài chính doanh nghiệp, Tài chính quốc tế, Định chế tài chính trung gian, Thị trường tài chính...

[28] Luật kinh tế

- + Luật kinh tế là bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường. Trong kinh doanh đòi hỏi các nhà kinh doanh phải hiểu biết pháp luật để kinh doanh theo đúng pháp luật. Do vậy Luật kinh tế là môn học cần thiết đối với sinh viên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh và các ngành học liên quan đến lĩnh vực kinh tế ở bậc đại học.
- + Môn học Luật trong kinh tế trình bày những lý luận cơ bản về luật kinh doanh trong nền kinh tế thị trường dưới góc độ khoa học pháp lý cũng như đòi hỏi của môi trường kinh doanh trong thực tiễn hiện nay ở Việt Nam.

[29] Phương pháp định lượng

- + Phương pháp định lượng nghiên cứu các mô hình toán học được ứng dụng vào những tình huống kinh doanh. Môn này cung cấp cho sinh viên một số phương pháp định lượng cơ bản dùng trong quản lý như: Quy hoạch tuyến tính, Bài toán vận tải, Bài toán ra quyết định, Lập lịch trình dự án. Các mô hình này được chọn vì có thể áp dụng được cho nhiều lĩnh vực kinh doanh chức năng: sản xuất, tài chính và tiếp thị. Việc sử dụng phần mềm Excel để giải các bài toán được chú ý thích đáng.

[30] Thuế

- + Sau khi học xong môn này, sinh viên có khả năng: biết được những ảnh hưởng có thể có của thuế đối với tài chính quốc gia và đối với doanh nghiệp; Cách tính các loại thuế liên quan và phổ biến với hoạt động kinh doanh của các loại hình doanh nghiệp phù hợp với chính sách thuế Việt Nam; Hiểu được vai trò của thuế trong các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính doanh nghiệp.

[31] Quản trị nguồn nhân lực

- + Môn học tiên quyết: Quản trị học.

- + Môn học cung cấp kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nhân sự trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự, tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá sự thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, quan hệ lao động và vấn đề có liên quan.

[32] Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh

- + Môn học cung cấp cho sinh viên các nguyên tắc cơ bản của giao tiếp, tập trung vào việc biết ứng dụng tốt các nguyên tắc đó để đạt hiệu quả trong giao tiếp nói, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng thuyết trình diễn đạt, kỹ năng lắng nghe tích cực cùng các kỹ năng truyền thông giao tiếp khác, để phát triển các kỹ năng làm việc trong nhóm, giải quyết xung đột, thương lượng và giao tiếp với khách hàng một cách hiệu quả trong môi trường học tập và môi trường doanh nghiệp sau này.

[33] Nguyên lý kế toán

- + Môn học trước: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Quản trị học.
- + Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết hạch toán kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; Các phương pháp kế toán; Quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.

[34] Quản trị hành chính văn phòng

- + Những kiến thức về quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng là nền tảng cho việc điều hành và xử lý các công việc hành chính nhằm phục vụ mục tiêu phát triển doanh nghiệp.
- + Trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết trong quá trình quản trị hoạt động hành chính trong các văn phòng, nhấn mạnh đến công tác hành chính trong các doanh nghiệp (hành chính kinh doanh).
- + Qua môn học, sinh viên được trang bị những kỹ năng cơ bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng như:
 - Kỹ thuật soạn thảo, trình bày và ban hành các loại văn bản trong hoạt động hành chính của cơ quan, doanh nghiệp.
 - Kỹ năng xử lý văn bản, lập và lưu trữ hồ sơ công việc.
 - Kỹ năng tổ chức các cuộc họp, hội nghị.
 - Kỹ năng tổ chức các chuyến đi công tác của lãnh đạo.

[35] Quản trị bán hàng

- + Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về Kỹ thuật bán hàng cho nhà sản xuất, các đại lý bán sỉ, bán lẻ; các chức năng, phương pháp quản lý lực lượng bán hàng hiệu quả. Môn học sẽ đề cập từ những khái niệm về bán hàng, các kiến thức, kỹ năng cần thiết của người bán hàng, đến những kỹ thuật chào hàng, kỹ thuật bán lẻ hàng hóa, các chiến lược bán hàng và quản lý bán hàng hiệu quả. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống; tham quan thực tế và thu thập thông tin để viết báo cáo chuyên đề.

[36] Hành vi tổ chức

- + Môn học trước: Quản trị học.
- + Môn học giới thiệu về lý thuyết tổ chức; hành vi tổ chức; hành vi cá nhân trong tổ chức; sự khác nhau về văn hoá; ra quyết định của các cấp quản trị; quản lý nhóm làm việc; quản lý tổ chức thông qua các thay đổi và xung đột. Môn học giúp tìm hiểu thấu đáo về hành vi con người với mong muốn những hiểu biết đó sẽ nâng cao hiệu quả trong thực tế quản lý. Các khái niệm đưa ra ở cả hai mức độ cá nhân và tổ chức, giúp người học phát triển hiểu biết cả về mặt tâm lý lẫn các yếu tố ngoại cảnh ảnh hưởng đến hành vi của con người tại nơi làm việc.

[37] Thống kê trong kinh doanh

- + Ở môn học này, chúng ta tiếp tục thảo luận về suy diễn thống kê cho nhiều tổng thể bằng việc đưa ra cách thức mà các ước lượng khoảng và các kiểm định giả thuyết có thể được xây dựng cho những tình huống liên quan đến hai tổng thể, khi sự khác biệt giữa hai trung bình tổng thể hay hai tỷ lệ tổng thể có tầm quan trọng hàng đầu, rồi mở rộng thảo luận đến những tình huống liên quan đến suy diễn về các phương sai tổng thể; hai thủ tục kiểm định giả thuyết dựa trên việc sử dụng phân phối khi bình phương, đó là kiểm định sự phù hợp (kiểm định giả thuyết về phân phối của tổng thể) và kiểm định sự độc lập của hai biến định tính; cách thức phân tích phương sai (ANOVA) có thể được dùng để kiểm định sự bằng nhau của ba trung bình tổng thể hay nhiều hơn dùng dữ liệu thu được từ nghiên cứu quan sát. Môn học còn giới thiệu một số phương pháp phi tham số thường thích hợp trong những tình huống mà các phương pháp tham số ở các chương trước đó không thể áp dụng được; những vấn đề mà các nhà thống kê xem xét trong thiết kế và thực hiện một khảo sát mẫu, cách tính toán và giải thích các chỉ số và cách dùng hệ thống chỉ số phân tích biến động của một chỉ tiêu tổng hợp; và giới thiệu các phương pháp thống kê đa biến, đó là các phương pháp để phân tích đồng thời dữ liệu về nhiều biến.
- + Sinh viên sẽ sử dụng Microsoft Excel và SPSS (Statistical Package for Social Sciences) để xử lý và phân tích dữ liệu. Chúng tôi chọn dùng Excel và SPSS vì nó khá phổ biến và dễ sử dụng.

[38] Quản trị chất lượng

- + Môn học trước: Quản trị học.
- + Môn học trang bị những kiến thức cơ bản giúp sinh viên hiểu, nắm được các yếu tố và quá trình hình thành chất lượng sản phẩm, các phương pháp quản lý và kiểm tra chất lượng sản phẩm; các tổ chức hệ thống quản lý chất lượng và một số kinh nghiệm quản lý ở các nước phát triển.

[39] Thị trường chứng khoán

- + Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chứng khoán, cơ chế vận hành và những quy định của một sở giao dịch chứng khoán, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán Việt Nam hiện nay, hoạt động của các công ty chứng khoán và quỹ đầu tư, phát hành chứng khoán ra thị trường, phương pháp giao dịch mua bán chứng khoán trên thị trường, kỹ thuật phân tích chứng khoán.

[40] Quản trị tài chính căn bản (Quản trị tài chính 1)

- + Môn học tiên quyết: Quản trị học.
- + Môn học trước: Nguyên lý kế toán.
- + Môn học giới thiệu những vấn đề cơ bản về tài chính và quản trị tài chính của doanh nghiệp; Xác định nhu cầu vốn, tổ chức nguồn vốn và các hình thức huy động vốn của doanh nghiệp; Thời giá tiền tệ; Quản lý và sử dụng vốn; Chi phí; Doanh thu và lợi nhuận; Kế hoạch tài chính doanh nghiệp; Phương pháp lập dự toán; Tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn của nhà quản trị.

[41] Quản trị Marketing

- + Quản trị marketing là môn học chuyên ngành của sinh viên ngành quản trị kinh doanh và marketing. Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức marketing chuyên sâu về quản trị marketing, phân tích cơ hội marketing, phát triển chiến lược marketing và quản lý, thực hiện các chương trình marketing. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua việc thảo luận, giải quyết tình huống thực tế.

- [42] Khởi nghiệp
- + Với mong muốn thực hiện hóa mục tiêu giáo dục của khoa Quản trị kinh doanh là nhằm tạo ra các nhà quản trị, những doanh nhân trong tương lai, môn Khởi nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng, công cụ ... để xây dựng một bản kế hoạch kinh doanh với tính khả thi cao, giúp người học vững tin khởi nghiệp từ những ý tưởng kinh doanh của mình, để từ đó có thể giành được lợi thế cạnh tranh, phát triển bền vững.
- [43] Quản trị chuỗi cung ứng
- + Nội dung môn học đề cập đến các khái niệm, định nghĩa, phương pháp và công cụ trong quản lý chuỗi cung ứng. Môn học giới thiệu các vấn đề cốt lõi khi quản trị chuỗi cung ứng như quản trị tồn kho, chiến lược phân phối, và ứng dụng hệ thống thông tin.
- [44] Phương pháp nghiên cứu trong quản trị
- + Môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức căn bản và kỹ năng để thực hiện nghiên cứu trong kinh doanh, từ xác định vấn đề nghiên cứu đến thực hiện nghiên cứu, từ ứng dụng phần mềm SPSS vào việc xử lý các thông tin số liệu đến phân tích kết quả nghiên cứu và kỹ năng viết báo cáo cho một dự án nghiên cứu.
- [45] Quản trị chiến lược
- + Môn học tiên quyết: Quản trị học.
 - + Môn học cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp. Với môn học này sinh viên được trình bày những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.
- [46] Quản trị dự án
- + Môn học trước: Quản trị tài chính 1.
 - + Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án: Phân tích và lựa chọn dự án, hoạch định và lập tiến độ dự án, giám sát và kiểm soát dự án, cách tiếp cận giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình quản lý dự án.
- [47] Quản trị vận hành
- + Môn học trước: Quản trị học.
 - + Quản trị vận hành hướng trọng tâm vào việc quản trị có hiệu quả quá trình chuyển hóa các yếu tố đầu vào (sức lao động, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, thông tin, ...) thành các sản phẩm đầu ra (hàng hoá, dịch vụ). Mục tiêu của môn học là cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về sản xuất và cung cấp dịch vụ cũng như vai trò vận hành trong một tổ chức kinh doanh. Nội dung của môn học bao gồm lựa chọn quá trình, bố trí sản xuất, hệ thống sản xuất tinh gọn; điều độ sản xuất; hoạch định: sản xuất tổng hợp, nhu cầu vật liệu, công suất; quản lý dự trữ;...
- [48] Kỹ thuật bán hàng
- + Môn học trước: Quản trị học.
 - + Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kỹ thuật bán hàng cho nhà sản xuất cũng như các đại lý bán sỉ và lẻ; các chức năng, phương pháp quản lý lực lượng bán hàng hiệu quả. Từ những khái niệm về bán hàng, các kiến thức cần thiết của người bán hàng, đến những kỹ thuật chào hàng, kỹ thuật bán lẻ hàng hóa, các chiến lược bán hàng và quản lý bán hàng hiệu quả. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua thảo luận, giải quyết vấn đề theo tình huống; tham quan thực tế và thu thập thông tin để viết báo cáo chuyên đề.

- [49] Kế toán quản trị
- + Môn học tiên quyết: Quản trị học.
 - + Môn học trước: Nguyên lý kế toán.
 - + Môn học trang bị những kiến thức về: Bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị; Sự khác biệt và mối quan hệ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị; Phân loại chi phí và giá thành trong kế toán quản trị; Khái niệm về trung tâm chi phí; Cách phân bổ chi phí; Các phương pháp tính giá; Kiểm soát chi phí; Mối quan hệ chi phí - sản lượng - lợi nhuận.
- [50] Phân tích hoạt động kinh doanh
- + Môn học trước: Kế toán quản trị, Quản trị tài chính.
 - + Đến cuối chương trình đào tạo của khóa học, sinh viên phải hiểu rõ vai trò của phân tích hoạt động kinh doanh đối với doanh nghiệp. Môn học trang bị cho sinh viên các phương pháp - kỹ thuật phân tích, ứng dụng vào phân tích tình hình thực hiện chi phí, tình hình tiêu thụ và doanh thu, tình hình thực hiện lợi nhuận của doanh nghiệp, phân tích những thông tin trong báo cáo tài chính từ đó nhận xét đánh giá những hạn chế của các con số trong báo cáo tài chính, phục vụ cho việc ra quyết định, phân tích tình hình đầu tư, ...
- [51] Quản trị rủi ro
- + Môn học trước: Quản trị học.
 - + Môn học cung cấp các kiến thức về rủi ro, đánh giá rủi ro, kiến thức và kỹ năng quản trị rủi ro kinh doanh. Nội dung môn học bao gồm: lý thuyết về rủi ro, đặc điểm và hình thức thể hiện của rủi ro, các nguyên nhân gây rủi ro, phân tích đánh giá rủi ro thông qua các phương pháp (cây quyết định, độ nhạy, xác suất,...); sáu bước của quá trình quản trị rủi ro: lập kế hoạch quản trị rủi ro, xác định rủi ro, phân tích định tính và định lượng rủi ro trên cơ sở các phương pháp Delphi, mô phỏng, cây quyết định, ..., lập kế hoạch đối phó rủi ro, kiểm soát và điều chỉnh rủi ro.
- [52] Lập kế hoạch kinh doanh
- + Với xu thế hội nhập hiện nay, các doanh nghiệp đang đứng trước những cơ hội to lớn, nhưng đồng thời cũng phải đối mặt với các nguy cơ không nhỏ. Vì thế, để tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp cần phải có một bản kế hoạch kinh doanh đúng đắn. Và trong thực tế, các doanh nghiệp có xây dựng kế hoạch kinh doanh và tổ chức thực hiện tốt đều đạt thành tích tốt hơn, lợi nhuận cao hơn và có lợi thế cạnh tranh bền vững...
 - + Môn Lập kế hoạch kinh doanh cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng, công cụ ... để xây dựng một bản kế hoạch kinh doanh thành công giúp công ty có thể giành được lợi thế cạnh tranh, phát triển bền vững, và giúp người học vững tin khởi nghiệp từ những ý tưởng kinh doanh của mình.
- [53] Nghiên cứu Marketing
- + Tổ chức thu thập thông tin tiếp thị. Phương pháp xác định vấn đề tiếp thị cần tiến hành nghiên cứu. Các phương pháp chọn mẫu nghiên cứu. Các phương pháp thu thập và phân tích thông tin tiếp thị thứ cấp và sơ cấp (bao gồm thông tin định tính và định lượng). Xử lý dữ liệu thu thập và viết báo cáo.
- [54] Quản trị quan hệ khách hàng
- + Nội dung môn học đề cập đến các khái niệm cốt lõi liên quan đến quản trị quan hệ khách hàng, bao gồm việc tổ chức, hoạch định và thực hiện các hoạt động xây dựng quan hệ khách hàng.
- [55] Tiếp thị truyền thông và tích hợp
- + Môn học giới thiệu các công cụ, kỹ thuật và phương tiện truyền thông được sử dụng để chiêu thị sản phẩm. Truyền thông tiếp thị tích hợp là một chiến lược phối kết hợp các

công cụ truyền thông nhằm gia tăng mức độ tác động đến khách hàng mục tiêu. Người học sẽ được tiếp cận việc phân tích các cơ hội để chiêu thị, phân tích tiến trình truyền thông, thiết lập mục tiêu và ngân sách của truyền thông tiếp thị. Môn học cũng tập trung vào nghiên cứu khái niệm, chức năng và qui trình thực hiện của các công cụ truyền thông tiếp thị trong doanh nghiệp.

[56] Hành vi người tiêu dùng

+ Môn học trước: Quản trị học.

+ Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hành vi người tiêu dùng thông qua các lý thuyết về tâm lý học, tâm lý xã hội học, nhân khẩu học, truyền thông và kinh tế học. Qua môn học sinh viên sẽ thông hiểu vai trò trung tâm của người tiêu dùng trong công tác tiếp thị và có khả năng vận dụng các mô hình học được làm công cụ phân tích hành vi người tiêu dùng. Chiến lược tiếp thị sẽ được xem xét dưới góc độ xã hội rộng hơn và sẽ bao gồm những vấn đề đương đại như đạo đức kinh doanh, các quy định của Nhà nước, phong trào bảo vệ người tiêu dùng... Nội dung cụ thể bao gồm các khái niệm hành vi người tiêu dùng ứng dụng trong việc ra quyết định tiếp thị, các mô hình hành vi tiêu dùng, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình ra quyết định mua hàng của người tiêu dùng và nghiên cứu hành vi người tiêu dùng.

[57] Nghiệp vụ ngân hàng

+ Môn học trình bày những vấn đề lý luận cơ bản về tiền tệ, tín dụng và ngân hàng như: Tiền tệ và cung cấp tiền tệ, các chế độ lưu thông tiền tệ; ngân hàng và các tổ chức tín dụng; các nghiệp vụ ngân hàng.

[58] Kế toán tài chính 1

+ Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp, các nghiệp vụ và phương pháp, trình tự hạch toán kế toán của một số phần hành kế toán (kế toán vốn bằng tiền, kế toán các khoản nợ phải thu, các khoản ứng trước, kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán lương và các khoản trích theo lương, kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm)

[59] Kế toán tài chính 2

+ Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về các nghiệp vụ và phương pháp, trình tự hạch toán kế toán của một số phần hành kế toán (kế toán thành phẩm, tiêu thụ thành phẩm, xác định kết quả kinh doanh, phân phối kết quả kinh doanh, kế toán các hoạt động tài chính và hoạt động khác, kế toán nguồn vốn chủ sở hữu và các loại quỹ, kế toán các khoản phải trả, kế toán thuế).

[60] Quản trị tài chính nâng cao (Quản trị tài chính 2)

+ Môn học trước: Quản trị tài chính 1.

+ Môn học được xây dựng trên nền tảng của Quản trị tài chính 1. Môn học này bao gồm các chuyên đề nâng cao trong thị trường tài chính từ quan điểm của giám đốc tài chính và những phân tích, cân nhắc của nhà đầu tư như đầu tư vào các tài sản dài hạn, cấu trúc vốn và chính sách cổ tức, quản trị vốn luân chuyển, các chủ đề đặc biệt trong quản trị tài chính và chứng khoán phái sinh (derivatives).

[61] Thị trường và các định chế tài chính

+ Môn học trang bị những kiến thức lý luận và ứng dụng thực hành về thị trường tài chính, thị trường tiền tệ, thị trường hối đoái, thị trường chứng khoán, thị trường phái sinh và các định chế tài chính. Trên cơ sở đó, liên hệ vận dụng nghiên cứu trong điều kiện cụ thể thực tiễn Việt Nam

Nhóm các môn học tự chọn 1, 2, 3 và 4

- [62] KHXHNV tự chọn 2: Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình
- + Những hiểu biết cơ bản về nhóm làm việc, cũng như những yếu tố để xây dựng một nhóm làm việc hiệu quả. Bên cạnh đó là những ví dụ thực tế để sinh viên có thể bắt kịp được những đòi hỏi của môi trường công việc cũng như cuộc sống hiện tại và tương lai.
 - + Các kỹ năng cơ bản và nâng cao để thuyết trình (cá nhân, nhóm) hiệu quả. Những bài giảng xoay quanh mọi khâu của quá trình thuyết trình, cũng như việc chuẩn bị tâm lý và khắc phục những lo sợ khi đứng trước đám đông (mà đa số sinh viên hay mắc phải).
- [63] MHTC 2: Thương mại điện tử
- + Môn học giới thiệu kiến thức chung nhất về thương mại điện tử bao gồm các mô hình thương mại điện tử, cách thức triển khai, áp dụng thương mại điện tử cho doanh nghiệp Việt Nam trong kinh doanh trực tuyến; các vấn đề liên quan đến thương mại điện tử như tiếp thị điện tử (e-marketing), thanh toán điện tử (e-payment); an toàn mạng...
- [64] MHTC 2: Marketing quốc tế
- + Môn học giới thiệu các khái niệm marketing vận dụng trong môi trường quốc tế và tìm hiểu ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến các chiến lược marketing quốc tế. Trong quá trình học tập sinh viên sẽ tìm hiểu các tình huống của các doanh nghiệp Việt Nam khi thâm nhập thị trường nước ngoài trên cơ sở ứng dụng những kiến thức marketing quốc tế để xây dựng kế hoạch marketing khi thị trường nước ngoài, mà những thị trường này có sự khác biệt về kinh tế, chính trị, luật pháp và văn hóa với Việt Nam.
- [65] MHTC 2: Thanh toán quốc tế
- + Nội dung môn học trình bày những kiến thức cơ bản về tiền tệ thế giới, các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ trên thị trường ngoại hối, cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế và cách thực hiện các phương thức thanh toán trong các giao dịch thương mại, dịch vụ quốc tế.
- [66] MHTC 2: Kế toán Mỹ
- + Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về kế toán Mỹ và hiểu được xu hướng hòa hợp cũng như sự khác biệt giữa kế toán Mỹ và kế toán Việt Nam. Trên cơ sở đó, sinh viên được làm quen với một số thuật ngữ kế toán Mỹ bằng tiếng Anh, các định khoản, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các mẫu biểu, sổ sách và báo cáo của các doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài.
 - + Học phần này cũng giúp sinh viên hiểu thêm các kiến thức và kỹ năng phân tích thông tin kế toán và thực hành cho những báo cáo khác nhau.
- [67] MHTC 3: Đạo đức trong kinh doanh
- + Môn học sẽ thảo luận và đánh giá trách nhiệm đạo đức của các nhà quản lý và các tổ chức. Môn học sẽ giúp sinh viên khám phá những vấn đề hiện thực từ quan điểm quản lý cũng như quan điểm đa dạng khác, và phân tích những mâu thuẫn phức tạp và tình huống khó xử qua các nghiên cứu tình huống.
- [68] MHTC 3: Nghệ thuật lãnh đạo
- + Môn học chú trọng đến các kỹ năng lãnh đạo trong tổ chức thông qua việc phát triển khả năng tự thích ứng và tự học hỏi. Sau khi học xong, sinh viên sẽ có ý niệm tốt hơn về nghệ thuật lãnh đạo. Điều quan trọng hơn là, với tư cách là nhà lãnh đạo có khả năng nhận thức cao, hiểu rõ và phác họa được bối cảnh mà trong đó nghệ thuật lãnh đạo được ứng dụng sẽ giúp người lãnh đạo quản lý được sự thay đổi. Môn học sẽ bao gồm lý thuyết về lãnh đạo và thực hành các kỹ năng lãnh đạo hiệu quả, các kỹ năng thích ứng,

các kỹ năng sáng tạo để làm chủ sự thay đổi. Môn học sẽ được thực hiện qua thảo luận tình huống, đóng vai, làm bài tập.

[69] MHTC 3: Quản trị ngân hàng thương mại

- + Môn học sẽ giới thiệu một cách khái quát những vấn đề liên quan đến quản trị ngân hàng thương mại. Đồng thời, trang bị những kiến thức về quản lý tài sản nợ, quản lý tài sản có, quản lý vốn chủ sở hữu, quản trị rủi ro trong các nghiệp vụ kinh doanh của ngân hàng và vấn đề liên quan đến thu nhập, chi phí, lợi nhuận của ngân hàng thương mại.

[70] MHTC 4: Thực hành Tin học trong kế toán (Excel)

- + Môn học cung cấp cho sinh viên ngành kế toán những kiến thức cơ bản về việc sử dụng và khai thác các hệ thống thông tin kinh tế nói chung và hệ thống thông tin kế toán nói riêng trong các hoạt động kế toán. Những vấn đề chính môn học đề cập đến là:
 - Quy trình tổ chức hệ thống thông tin kế toán trên nền tảng máy tính.
 - Khái niệm và nguyên tắc xây dựng hệ thống thông tin kế toán ứng dụng cho Excel
 - Ứng dụng chương trình Excel vào việc tạo Sổ sách kế toán/BCTC/Thuế.
 - Biết so sánh hình thức kế toán tay và hình thức kế toán máy (Excel)

[71] Nghiệp vụ ngoại thương

- + Môn học cung cấp cho sinh viên ngành Quản trị kinh doanh những kiến thức cơ bản về ngoại thương.
- + Học xong môn học này sinh viên phải hiểu rõ sự khác biệt giữa thương mại trong nước và ngoại thương; các phương thức mua bán quốc tế; các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms); quá trình tìm kiếm, đàm phán và ký kết hợp đồng ngoại thương; các điều khoản cơ bản khi soạn thảo hợp đồng ngoại thương; quy trình thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu; các phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu áp dụng trong ngoại thương; các nghiệp vụ thuê tàu, bảo hiểm ngoại thương; các chứng từ trong ngoại thương, cách lập tờ khai hải quan; các rủi ro thường xảy ra trong hoạt động ngoại thương.

[72] Hệ thống thông tin quản lý

- + Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò, cơ cấu, phương pháp quản trị và ứng dụng hệ thống thông tin quản lý trong quản trị doanh nghiệp, bao gồm các nội dung chính sau:
 - Các khái niệm cơ bản, vai trò của hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp
 - Các thành phần của hệ thống thông tin quản lý: phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu, nguồn nhân lực và hệ thống truyền thông Internet
 - Phương pháp xây dựng, triển khai, ứng dụng, quản trị hệ thống thông tin quản lý
 - Nắm bắt và hiểu về cách phân tích thiết kế, ứng dụng một trong những hệ thống thông tin quản lý thông dụng nhất, hệ thống thông tin kế toán doanh nghiệp.
 - Đánh giá hiệu quả kinh tế của việc ứng dụng hệ thống thông tin quản lý
- + Sinh viên sẽ sử dụng phần mềm Microsoft Visio và phần mềm Microsoft Access để thực hành trong phòng máy.

[73] Thẩm định dự án

- + Môn học nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức chung về thiết lập và thẩm định dự án đầu tư, nghiên cứu thị trường, nghiên cứu kỹ thuật và công nghệ, tổ chức nhân sự và tiền lương của dự án, phân tích tài chính, đánh giá lựa chọn và thẩm định dự án cũng như phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội mà dự án mang lại.

[74] Quản trị chi phí

- + Môn học trước: Kế toán quản trị.
- + Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để thấy được ảnh hưởng của những thông tin chi phí trong quá trình hoạt động của một doanh nghiệp.

Thấy rõ ý nghĩa, vị trí của quản trị chi phí trong chiến lược kinh doanh chung và những đóng góp của nó vào sự thành công của doanh nghiệp trong thời đại hiện nay. Hiểu và áp dụng những phương pháp quản trị thích hợp trong mỗi giai đoạn của bốn chức năng quản trị: quản trị mang tính chiến lược, ra quyết định và hoạch định, soạn thảo báo cáo tài chính và kiểm soát hoạt động. Tìm thấy mối liên hệ giữa quản trị chi phí với những kỹ thuật quản trị khác như: quản trị chất lượng toàn diện, định giá theo mục tiêu, quản trị theo công việc, so sánh chuẩn ...

[75] Kiểm toán

- + Môn học trước: Kế toán tài chính 3.
- + Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản giúp sinh viên hiểu được bản chất, chức năng, đối tượng và phương pháp của kiểm toán; Các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán; Các hình thức kiểm toán và chủ thể kiểm toán; Quy trình và phương pháp kiểm toán; Tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

[76] Khởi nghiệp

- + Với mong muốn thực hiện hóa mục tiêu giáo dục của khoa Quản trị kinh doanh là nhằm tạo ra các nhà quản trị, những doanh nhân trong tương lai, môn Khởi nghiệp cung cấp cho người học những kiến thức, kỹ năng, công cụ ... để xây dựng một bản kế hoạch kinh doanh với tính khả thi cao, giúp người học vững tin khởi nghiệp từ những ý tưởng kinh doanh của mình, để từ đó có thể giành được lợi thế cạnh tranh, phát triển bền vững.

[77] Marketing dịch vụ

- + Nội dung môn học đề cập đến các khái niệm cốt lõi liên quan đến marketing dịch vụ, nghiên cứu hành vi người tiêu dùng trong tiêu dùng sản phẩm dịch vụ, thiết kế và thực hiện các chương trình marketing dịch vụ.

[78] Thực tập tốt nghiệp

- + Thực tập tốt nghiệp: sinh viên được yêu cầu tiếp cận, tìm hiểu và viết báo cáo về một nội dung sinh viên đã chọn để tìm hiểu thực tế tại doanh nghiệp sinh viên thực tập; để thực hành ứng dụng những lý thuyết đã học vào thực tế doanh nghiệp. Đây là những đề tài mới đòi hỏi sinh viên phải tìm tòi nghiên cứu hoặc tìm giải pháp cho các vấn đề tồn tại tại doanh nghiệp.
- + Từ đợt thực tập tốt nghiệp sinh viên nhận xét rút kinh nghiệm và sau khi đã bổ xung những kiến thức chuyên môn cần thiết, sinh viên có thể sẽ chọn và thực hiện đề tài Đồ án / Khóa luận tốt nghiệp sau đó bảo vệ đề tài trước Hội đồng chấm và bảo vệ Đồ án / Khóa luận tốt nghiệp.

[79] Khóa luận tốt nghiệp:

- + Đối với hình thức Khóa luận tốt nghiệp: Sinh viên có thể tự chọn đề tài Khóa luận tốt nghiệp (dựa vào việc tìm hiểu và nghiên cứu đề tài trong thời gian thực tập tốt nghiệp) hay theo hướng dẫn của khoa.

[80] Nhóm môn Thay thế Bài thi tốt nghiệp:

- + Marketing giữa các tổ chức: Môn học sẽ tập trung phân tích: Khách hàng, sản phẩm, qui trình B2B Marketing, 4P trong B2B và các nội dung mới như: Sự thỏa mãn của khách hàng, tài sản khách hàng, chu kỳ sống của khách hàng và Marketing mối quan hệ. Cụ thể sau khóa học, các học viên có thể:
 - Tích hợp các khái niệm và công cụ tiếp thị
 - Phân biệt tiếp thị cho người tiêu dùng (B2C) và tiếp thị cho tổ chức (B2B)
 - Hiểu rõ hành vi mua của khách hàng tổ chức
 - Phát triển chiến thuật tiếp thị B2B: Sản phẩm, phân phối, giá, truyền thông
 - Tìm hiểu các kỹ thuật bán hàng và quản lý đội ngũ bán hàng

- Xây dựng và phát triển mối quan hệ với khách hàng
- + Thị trường tài chính phái sinh: Xuất phát từ mục tiêu cơ bản của quản trị tài chính là tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, nội dung chính của môn học là phân tích các công cụ tài chính phái sinh do ngân hàng thương mại cung cấp để quyết định sử dụng công cụ (tức hợp đồng phái sinh) phù hợp nhất để phòng vệ rủi ro tỷ giá (gọi là Hedge) trong các hợp đồng xuất khẩu và nhập khẩu ngoại thương.
- + Quản trị dịch vụ: Quản trị vận hành tập trung vào việc quản trị có hiệu quả quá trình chuyển hóa các nguồn lực thành các đầu ra hữu ích. Trọng tâm của quản trị vận hành thường vẫn đặt vào khu vực sản xuất. Hơn bốn thập niên vừa qua, khu vực dịch vụ đã trải qua những sự tăng trưởng nhanh và hiện nay chiếm khoảng từ 70 - 80% GDP cũng như 70 - 80% việc làm ở các quốc gia công nghiệp phát triển. Trọng tâm của môn học này đặt vào việc quản lý các tổ chức dịch vụ. Các chủ đề bao gồm thiết kế dịch vụ, chất lượng dịch vụ, bài trí và định vị cơ sở dịch vụ, quản lý cung cầu dịch vụ và quản lý các hàng chờ.
- + Thương mại điện tử: Sau khi học môn này, sinh viên có thể:
 - Hiểu được các yếu tố môi trường thương mại điện tử đến việc vận hành trong kinh doanh trực tuyến.
 - Phân tích và đánh giá hoạt động marketing và quảng bá thương hiệu trực tuyến.
 - Lập kế hoạch kinh doanh thương mại điện tử.
- + Marketing dịch vụ
 - Trang bị các kiến thức, kỹ năng liên quan đến nghiên cứu hành vi người tiêu dùng trong sử dụng dịch vụ, phân khúc và định vị dịch vụ trong thị trường cạnh tranh. Bên cạnh đó, môn học này cung cấp các kiến thức về thiết kế và thực hiện các chương trình marketing dịch vụ như 7P, chất lượng dịch vụ, quản trị mối quan hệ khách hàng, xử lý các phàn nàn của khách hàng và cải thiện dịch vụ.

11. Chương trình đào tạo được áp dụng cho khóa tuyển sinh: -----Khóa 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 08 năm 2016

Ban chủ nhiệm Khoa

Hiệu trưởng


ThS. DƯƠNG QUANG MỸ


PGS.TS. Cao Hào Thi